

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG
ƯƠNG VIDIPHA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Giải trình biến động kết quả kinh
doanh năm 2025

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha (mã CK : VDP) giải trình biến động
lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Giảm	Tỷ lệ % 2025 so với 2024
- Lợi nhuận sau thuế	63,80 tỷ	71,82 tỷ	8,01 tỷ	88,84

Nguyên nhân :

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2025 so với năm 2024 của Công ty giảm 11,16% so với cùng kỳ
năm trước, tương ứng giảm 8,01 tỷ đồng, chủ yếu do :

- Chi phí bán hàng tăng 14,34% tương ứng tăng 13,65 tỷ đồng.

Trân trọng kính chào.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300470246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 19 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Hữu	Chủ tịch	
Ông Hoàng Thế Bắc	Thành viên thường trực	
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Bà Hà Lan Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Hoàng Văn Hoà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Phạm Tuấn Kiệt	Thành viên	
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên	
Ông Nguyễn Trần Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Bà Kiều Thị Minh Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2025 Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hoà	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thế Bắc	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Doãn Thị Ngọc Bội	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thuý	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Kiều Hữu - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Hoàng Văn Hoà - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Số: 300326.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

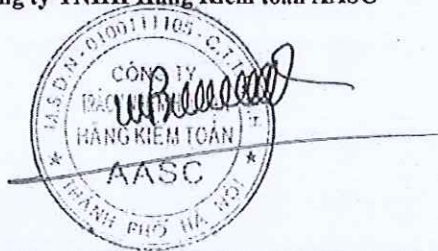
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A handwritten signature in black ink, appearing to read "Nguyễn Trung Kiên".

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHASố 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		921.668.720.588	922.220.272.793
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	180.865.539.635	123.830.952.476
111	1. Tiền		120.865.539.635	123.830.952.476
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	252.490.442.486	192.789.930.016
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		252.490.442.486	192.789.930.016
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		202.934.886.141	256.058.796.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	194.301.569.201	231.427.021.609
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.625.139.259	8.677.434.115
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.954.964.887	16.901.128.108
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(946.787.206)	(946.787.206)
140	IV. Hàng tồn kho	9	283.626.864.273	346.482.278.908
141	1. Hàng tồn kho		283.626.864.273	346.482.278.908
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.750.988.053	3.058.314.767
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.590.930.279	2.416.360.285
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		122.333.323	495.114.470
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	37.724.451	146.840.012
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		194.352.581.640	203.609.067.081
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		35.000.000	417.433.359
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	382.433.359
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	35.000.000	35.000.000
220	II. Tài sản cố định		185.479.645.484	194.716.269.641
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	141.108.051.861	155.537.345.506
222	- Nguyên giá		428.959.550.849	413.975.690.090
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(287.851.498.988)	(258.438.344.584)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	44.371.593.623	39.178.924.135
228	- Nguyên giá		50.227.086.756	44.249.014.506
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.855.493.133)	(5.070.090.371)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		86.495.340	108.975.340
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		86.495.340	108.975.340
260	IV. Tài sản dài hạn khác		8.751.440.816	8.366.388.741
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.751.440.816	8.366.388.741
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.116.021.302.228	1.125.829.339.874

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHASố 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		365.949.376.643	374.058.044.861
310	I. Nợ ngắn hạn		365.949.376.643	374.058.044.861
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	101.741.622.589	50.749.772.741
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.086.269.551	1.244.227.028
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.071.521.040	3.152.337.050
314	4. Phải trả người lao động		16.874.978.161	16.053.258.345
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	15.000.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	17.415.761.947	17.356.528.110
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	198.387.324.342	258.437.901.613
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	8.991.078.854	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.380.820.159	12.064.019.974
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		750.071.925.585	751.771.295.013
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	750.071.925.585	751.771.295.013
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		220.833.920.000	220.833.920.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		220.833.920.000	220.833.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		179.852.119.980	179.852.119.980
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		280.736.824.474	269.879.748.658
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.649.061.131	81.205.506.375
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		4.841.796.662	9.382.288.479
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		63.807.264.469	71.823.217.896
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.116.021.302.228	1.125.829.339.874

Đoàn Thanh Hoa
Người lập

Nghiêm Minh Tuấn
Kế toán trưởngHoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.040.739.527.800	980.977.289.012
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	55.102.837.026	46.490.466.442
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		985.636.690.774	934.486.822.570
11	4. Giá vốn hàng bán	22	728.568.180.885	704.747.586.470
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		257.068.509.889	229.739.236.100
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	14.474.137.774	20.266.053.722
22	7. Chi phí tài chính	24	13.531.594.616	17.895.020.830
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>10.446.770.767</i>	<i>14.848.776.129</i>
25	8. Chi phí bán hàng	25	95.170.587.929	81.515.451.162
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	79.139.017.996	66.358.009.228
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.701.447.122	84.236.808.602
31	11. Thu nhập khác	27	3.044.126.498	76.703.838.947
32	12. Chi phí khác	28	3.200.582.564	70.587.839.854
40	13. Lợi nhuận khác		(156.456.066)	6.115.999.093
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		83.544.991.056	90.352.807.695
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	19.737.726.587	18.529.589.799
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>63.807.264.469</u>	<u>71.823.217.896</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.889	3.252



Đoàn Thanh Hoa
Người lập

Nghiêm Minh Tuấn
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

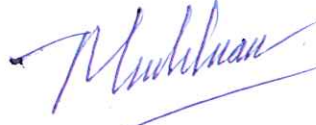
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		83.544.991.056	90.352.807.695
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		29.989.314.738	30.159.297.461
03	- Các khoản dự phòng		8.991.078.854	(65.925.261)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(1.080.670.424)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.099.883.707)	(14.840.144.484)
06	- Chi phí lãi vay		10.446.770.767	14.848.776.129
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(20.622.199)	(390.355.612)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		118.851.649.509	118.983.785.504
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		49.065.315.376	(15.270.179.578)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		62.855.414.635	(49.746.754.921)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		39.002.289.509	29.955.180.802
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		462.857.931	(7.458.566.329)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.446.770.767)	(14.848.776.129)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.330.067.332)	(15.045.962.117)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.231.619.467)	(12.076.082.071)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		238.229.069.394	34.492.645.161
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(20.961.933.009)	(13.380.829.571)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(367.771.161.726)	(192.789.930.016)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		309.344.782.008	124.620.097.209
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.228.806.513	17.492.287.495
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(66.159.506.214)	(64.058.374.883)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHASố 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆNăm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		464.145.358.705	599.826.827.311
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(524.195.935.976)	(614.528.222.512)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(54.984.398.750)	(45.904.275.550)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(115.034.976.021)</i>	<i>(60.605.670.751)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		57.034.587.159	(90.171.400.473)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		123.830.952.476	213.987.603.712
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	14.749.237
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>180.865.539.635</u>	<u>123.830.952.476</u>


Đoàn Thanh Hoa
Người lập

Nghiêm Minh Tuấn
Kế toán trưởngHoàng Văn Hoà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha được thành lập theo Quyết định số 468/2003/QĐ-BYT ngày 30/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc chuyển Công ty Phát triển Kỹ Nghệ Dược Trung Ương trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300470246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 19 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 220.833.920.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 220.833.920.000 VND; tương đương 22.083.392 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 469 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 607 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, thực phẩm (không sản xuất thực phẩm tươi sống ở các khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư máy móc, trang thiết bị y tế;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ bảo quản và kiểm nghiệm thuốc.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm nay, tình hình thị trường khởi sắc, doanh số bán hàng của Công ty tăng nhẹ so với năm trước dẫn đến doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của Công ty tăng lần lượt 60,53 tỷ VND và 36,71 tỷ VND tương ứng tăng 6,48% và 15,98% so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Khu phố Bến Sắn, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Số BT6-3 Khu đô thị mới Văn Khê, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	410-412 Kinh Dương Vương, phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Tây Nam Bộ - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	41-43 đường D24, KDC Hồng Loan, KV 5, phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Đông Nam Bộ - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Số 184/2 Đường Lê Văn Sỹ, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm phát triển mỹ phẩm và dược phẩm - Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	68/118 đường Đồng Nai, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Bằng sáng chế	10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần và chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

2.15. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả chi phí phải trả chiết khấu thương mại được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là các sản phẩm thuộc chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.415.845.248	1.237.911.509
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	119.449.694.387	122.593.040.967
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	-
	<u>180.865.539.635</u>	<u>123.830.952.476</u>

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng đến 2 tháng có giá trị 60.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	99.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Trái phiếu (**)	153.490.442.486	-	187.789.930.016	-
	252.490.442.486		192.789.930.016	

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 8,3%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, có số dư là 5.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tại thời điểm 31/12/2025 là 4,5%/năm được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam.

(**) Trái phiếu Công ty nắm giữ tại thời điểm 31/12/2025 có tổng số dư là 153.490.442.486 VND, bao gồm:

TT	Mã trái phiếu	Số lượng trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Số dư tại 31/12/2025 VND
1	HDBL2331005	40	27/11/2023	27/11/2031	7,3%	4.195.235.640
2	HDBL2331006	17	08/12/2023	08/12/2031	7,1%	1.735.859.528
3	HDBL2331007	40	18/12/2023	18/12/2031	7,3%	4.178.364.400
4	HDBL2432005	19	02/07/2024	02/07/2032	7,1%	1.941.245.618
5	HDBL2432014	179	17/09/2024	17/09/2032	7,1%-7,3%	18.183.804.328
6	HDBL2432017	67	27/09/2024	27/09/2032	7,1%-7,3%	7.046.246.067
7	HDBL2432020	45	06/11/2024	06/11/2032	7,1%	4.500.000.000
8	HDBL2432022	75	22/11/2024	22/11/2032	7,1%	7.500.000.000
9	HDBL2432025	40	28/11/2024	28/11/2032	7,1%	4.000.000.000
10	HTPCH2428001	136	17/07/2024	17/07/2028	8,6%	15.021.032.312
11	TMCCCH2328002	398	14/07/2023	14/07/2028	8,8%	45.120.451.285
12	TMCCCH2328004	371	05/12/2023	05/12/2028	8,8%	40.068.203.308
						153.490.442.486

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	5.218.109.465	-	20.981.543.537	-
Công ty TNHH Dược phẩm Trâm Bảo Khoa	-	-	4.138.832.415	-
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	3.630.063.475	-	8.091.237.900	-
Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	1.588.045.990	-	8.751.473.222	-
<i>Bên khác</i>	189.083.459.736	(946.787.206)	210.445.478.072	(946.787.206)
Công ty CP Dược phẩm Trung Ương I-Pharbacor	3.903.075.751	-	13.782.735.750	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thuận Phát VN	13.096.467.132	-	-	-
Công ty CP phát triển xuất nhập khẩu Đại Hải	10.068.431.864	-	-	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đa Phúc	8.561.949.287	-	3.571.549.881	-
Đối tượng khác	153.453.535.702	(946.787.206)	193.091.192.441	(946.787.206)
	194.301.569.201	(946.787.206)	231.427.021.609	(946.787.206)

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	3.625.139.259	-	8.677.434.115	-
Công ty TNHH Công nghệ xây dựng MPT	-	-	1.462.800.600	-
Viện Kiểm Nghiệm Thuốc Trung Ương	-	-	925.000.000	-
CN Công ty TNHH FPT IS tại Thành phố Hồ Chí Minh	491.850.000	-	-	-
Viện Kiểm nghiệm Thuốc Thành phố Hồ Chí Minh	466.946.480	-	-	-
Khác	2.666.342.779	-	6.289.633.515	-
	3.625.139.259	-	8.677.434.115	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	63.140.364	-	2.752.874.335	-
Tạm ứng	1.604.816.810	-	3.240.516.258	-
Ký cược, ký quỹ	701.249.705	-	658.610.155	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	-	-	6.651.556.761	-
Phải thu khác	3.585.758.008	-	3.597.570.599	-
	<u>5.954.964.887</u>	<u>-</u>	<u>16.901.128.108</u>	<u>-</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Người lao động trong Công ty	1.604.816.810	-	9.892.073.019	-
Nguyễn Duy Khánh	893.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	3.457.148.077	-	7.009.055.089	-
	<u>5.954.964.887</u>	<u>-</u>	<u>16.901.128.108</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	35.000.000	-	35.000.000	-
	<u>35.000.000</u>	<u>-</u>	<u>35.000.000</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty CP Hóa dược Hướng Dương Pharma	290.079.400	145.039.700	290.079.400	145.039.700
- Các khoản khác	1.739.558.275	937.810.769	1.739.558.275	937.810.769
	<u>2.029.637.675</u>	<u>1.082.850.469</u>	<u>2.029.637.675</u>	<u>1.082.850.469</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	184.464.898.884	-	207.681.415.975	-
Công cụ, dụng cụ	4.227.808.687	-	3.530.247.587	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	251.913.078	-	393.499.319	-
Thành phẩm	93.279.870.819	-	129.747.276.998	-
Hàng hoá	1.402.372.805	-	5.129.839.029	-
	<u>283.626.864.273</u>	<u>-</u>	<u>346.482.278.908</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPIHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	155.974.709.062	236.166.356.758	16.907.942.738	4.926.681.532	413.975.690.090					
- Mua trong năm	-	4.556.383.361	-	-	4.556.383.361					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.427.477.398	-	-	-	10.427.477.398					
Số dư cuối năm	166.402.186.460	240.722.740.119	16.907.942.738	4.926.681.532	428.959.550.849					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	60.682.868.816	180.909.011.886	12.031.389.074	4.815.074.808	258.438.344.584					
- Khấu hao trong năm	4.960.284.739	22.750.417.856	1.684.244.305	18.207.504	29.413.154.404					
Số dư cuối năm	65.643.153.555	203.659.429.742	13.715.633.379	4.833.282.312	287.851.498.988					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	95.291.840.246	55.257.344.872	4.876.553.664	111.606.724	155.537.345.506					
Tại ngày cuối năm	100.759.032.905	37.063.310.377	3.192.309.359	93.399.220	141.108.051.861					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 166.122.607.244 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Bán quyền, bằng sáng chế VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	39.985.064.506	4.263.950.000	-	44.249.014.506
- Mua trong năm	3.944.072.250	184.000.000	1.850.000.000	5.978.072.250
Số dư cuối năm	<u>43.929.136.756</u>	<u>4.447.950.000</u>	<u>1.850.000.000</u>	<u>50.227.086.756</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.374.241.282	1.695.849.089	-	5.070.090.371
- Khấu hao trong năm	204.316.668	488.586.092	92.500.002	785.402.762
Số dư cuối năm	<u>3.578.557.950</u>	<u>2.184.435.181</u>	<u>92.500.002</u>	<u>5.855.493.133</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	36.610.823.224	2.568.100.911	-	39.178.924.135
Tại ngày cuối năm	<u>40.350.578.806</u>	<u>2.263.514.819</u>	<u>1.757.499.998</u>	<u>44.371.593.623</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 907.500.000 VND

(*) Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số DC573340, tại phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai; Nguyên giá tại thời điểm 31/12/2025 là: 11.557.500.000 VND.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số CC982428, tại khu Tái định cư Hòa Minh 1, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng; Nguyên giá tại thời điểm 31/12/2025 là: 13.121.280.000 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số: CQ404317, tại Khu dân cư số 6, khu đô thị mới Nam Cần Thơ, phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
Nguyên giá tại thời điểm 31/12/2025 là: 3.541.266.000 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số: CG533292, tại BT6-3, khu đô thị mới Văn Khê, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội; Nguyên giá tại thời điểm 31/12/2025 là: 2.541.858.000 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn đến 26/03/2052 số: BE300248, tại phường Tân Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên giá tại thời điểm 31/12/2025 là: 9.223.160.506 VND.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn số: DK322694, tại phường Vĩnh Hưng, tỉnh Nghệ An; Nguyên giá tại thời điểm 31/12/2025 là: 3.944.072.250 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	84.250.017
Chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc, phần mềm	707.421.105	808.763.129
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	883.509.174	1.523.347.139
	<u><u>1.590.930.279</u></u>	<u><u>2.416.360.285</u></u>
b) Dài hạn		
Chi phí bảo trì, sửa chữa hoàn thiện via hè, mái tôn, văn phòng	3.388.779.990	1.630.437.347
Chi phí thuê Văn phòng	-	267.780.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.558.028.351	3.712.776.602
Chi phí trả trước dài hạn khác	804.632.475	2.755.394.792
	<u><u>8.751.440.816</u></u>	<u><u>8.366.388.741</u></u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	<i>101.741.622.589</i>	<i>101.741.622.589</i>	<i>50.749.772.741</i>	<i>50.749.772.741</i>
ORCHID PHARMA LIMITED	26.276.462.712	26.276.462.712	8.473.584.000	8.473.584.000
Công Ty TNHH Kiến Việt	-	-	4.963.391.991	4.963.391.991
Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd	15.194.857.800	15.194.857.800	-	-
Inner Mongolia Glint Pharmaceutical Co., Ltd	10.386.476.100	10.386.476.100	-	-
Công ty TNHH In & Bao Bì Giấy Vạn Hưng	4.395.418.765	4.395.418.765	4.095.520.240	4.095.520.240
Đối tượng khác	45.488.407.212	45.488.407.212	33.217.276.510	33.217.276.510
	<u><u>101.741.622.589</u></u>	<u><u>101.741.622.589</u></u>	<u><u>50.749.772.741</u></u>	<u><u>50.749.772.741</u></u>

14 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự phòng quỹ lương dự phòng	8.991.078.854	-
	<u><u>8.991.078.854</u></u>	<u><u>-</u></u>

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	145.895.143		20.394.000		21.728.911.609		20.071.491.732		-		1.531.918.734	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		10.612.276		10.612.275		-		1	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.131.943.050		19.737.726.587		15.330.067.332		-		7.539.602.305	
Thuế Thu nhập cá nhân	944.869		-		5.654.354.090		5.691.133.672		37.724.451		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		2.248.369.800		2.248.369.800		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		12.000.000		12.000.000		-		-	
	146.840.012		3.152.337.050		49.391.974.362		43.363.674.811		37.724.451		9.071.521.040	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	3.436.906
- Kinh phí công đoàn	871.437.566	724.858.900
- Bảo hiểm thất nghiệp	68.665.739	1.407.694.128
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.408.015.252	7.183.934.002
- Quỹ đóng góp của người lao động	6.391.972.463	5.517.494.913
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.675.670.927	2.519.109.261
	17.415.761.947	17.356.528.110

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):

- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0016/KHDN/20NH ngày 25/10/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/SĐBS-03/CV-0016/KHDN/20NH ngày 26/10/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Xác định tại thời điểm giải ngân của từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 12.321.592.050 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp, bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (3) Hợp đồng cho vay hạn mức số VN120002388/2025/WBVN201 ngày 16/05/2025 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 17/05/2025 đến ngày 15/05/2026;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất ghi trên từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 32.369.348.328 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng thế chấp tiền gửi số HDTCTG-VDP ngày 16/09/2020.
- (4) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 100/2024/FA.01 ngày 21/07/2024 giữa Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 96.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và bao gồm cả ngày hiệu lực và được tự động gia hạn nhiều lần;
 - + Lãi suất cho vay: Xác định tại thời điểm giải ngân của từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 14.109.720.898 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng cho vay hạn mức số 05/2025-HĐCVHM/NHCT904-VDP ngày 24/03/2025 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 2 TP.HCM với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 25/03/2025 đến hết ngày 24/03/2026
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 50.000.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (6) Hợp đồng vay cán bộ công nhân viên ngày 31/12/2024, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Số tiền vay: 1.112.522.202 VND;
 - + Mục đích vay: Sử dụng để chi trả tiền lương;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ thời điểm nhận tiền vay;
 - + Lãi suất cho vay: 0%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.112.522.202 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPIHA
Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND			VND	VND	
Số dư đầu năm trước	184.029.040.000	216.656.999.980	242.085.672.537	89.210.470.476	731.982.182.993	-	-
Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	36.804.880.000	(36.804.880.000)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	71.823.217.896	71.823.217.896	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2023	-	-	27.794.076.121	(27.794.076.121)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	-	(6.417.507.488)	(6.417.507.488)	-	(6.417.507.488)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(46.007.260.000)	(46.007.260.000)	-	(46.007.260.000)
Tăng khác	-	-	-	390.661.612	390.661.612	-	390.661.612
Số dư cuối năm trước	220.833.920.000	179.852.119.980	269.879.748.658	81.205.506.375	751.771.295.013		
Số dư đầu năm nay	220.833.920.000	179.852.119.980	269.879.748.658	81.205.506.375	751.771.295.013	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	63.807.264.469	63.807.264.469	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2024 (*)	-	-	10.868.880.464	(10.868.880.464)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (*)	-	-	-	(5.745.857.432)	(5.745.857.432)	-	(5.745.857.432)
Chia cổ tức năm 2024 (*)	-	-	-	(55.208.480.000)	(55.208.480.000)	-	(55.208.480.000)
Giảm khác	-	-	(11.804.648)	(4.540.491.817)	(4.552.296.465)	-	(4.552.296.465)
Số dư cuối năm nay	220.833.920.000	179.852.119.980	280.736.824.474	68.649.061.131	750.071.925.585		

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-NQ/ĐHĐCĐ-VDP ngày 18/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	71.823.217.896		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,13%	10.868.880.464		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	5.745.857.432		
Chia cổ tức năm 2024 (tỷ lệ 25% trên mệnh giá)	76,87%	55.208.480.000		
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
		VND		VND
Kiều Thúy Mai	6,24%	13.779.440.000	6,24%	13.779.440.000
Trịnh Quang Nghĩa	6,41%	14.155.170.000	0,00%	-
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	0,00%	-	8,15%	18.000.000.000
Kiều Hữu	7,48%	16.529.170.000	7,48%	16.529.170.000
Đinh Thị Hoàng Oanh	11,54%	25.495.200.000	0,00%	-
Tổng Công ty Dược Việt Nam	14,29%	31.561.270.000	14,29%	31.561.270.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	19,78%	43.681.430.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	34,26%	75.632.240.000	63,84%	140.964.040.000
	<u>100%</u>	<u>220.833.920.000</u>	<u>100%</u>	<u>220.833.920.000</u>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2025		Năm 2024
		VND		VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		220.833.920.000		220.833.920.000
- Vốn góp đầu năm		220.833.920.000		184.029.040.000
- Vốn góp tăng trong năm		-		36.804.880.000
- Vốn góp cuối năm		220.833.920.000		220.833.920.000
Cổ tức, lợi nhuận:				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm		7.183.934.002		7.080.949.552
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		55.208.480.000		46.007.260.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		55.208.480.000		46.007.260.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		(54.984.398.750)		(45.904.275.550)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		(54.984.398.750)		(45.904.275.550)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm		<u>7.408.015.252</u>		<u>7.183.934.002</u>
d) Cổ phiếu		31/12/2025		01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		22.083.392		22.083.392
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		22.083.392		22.083.392
- Cổ phiếu phổ thông		22.083.392		22.083.392
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		22.083.392		22.083.392
- Cổ phiếu phổ thông		22.083.392		22.083.392
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)		10.000		10.000
e) Các quỹ công ty		31/12/2025		01/01/2025
		VND		VND
Quỹ đầu tư phát triển		280.736.824.474		269.879.748.658
		<u>280.736.824.474</u>		<u>269.879.748.658</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất, nhà cửa với với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng. Cụ thể như sau:

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (Sở Nông nghiệp và Môi trường TP Hồ Chí Minh)	Số 184/2 Đường Lê Văn Sỹ, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	1.887,8 m ²	Gia hạn từng năm
2	Ông bà Vũ Đức Hải, Trịnh Thị Lan	Lô 05, Liên kế 26, Khu ĐTM Đông Sơn, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	100 m ²	2 năm
3	Bà Đỗ Thị Tinh	Tổ dân phố Xuân Trung, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội	31 m ²	3 năm
4	Công ty Cổ phần Phúc Lai Thành	Tòa nhà BT6-2, KĐT mới Văn Khê, Phường Hà Đông, Hà Nội	1.800 m ³	Từ 01/09/2020 đến 31/08/2026
5	Ông Quách Đại Hưng	19 Cự Khê, phường Hải Dương, Thành phố Hải Phòng	65 m ²	3 năm

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	212.364,27	60.208,95

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trần Đình Tâm	1.329.524.179	1.329.524.179
Trung tâm y tế Khánh Sơn	268.075.890	268.075.890
Công ty TNHH NN MTV Dược TYT Quảng Ngãi	122.126.602	122.126.602

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	616.146.195
Doanh thu bán thành phẩm	996.655.606.655	980.361.142.817
Doanh thu bán nguyên liệu	44.083.921.145	-
	1.040.739.527.800	980.977.289.012
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	108.262.358.332	200.288.658.200

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	50.469.397.370	45.253.829.368
Hàng bán bị trả lại	4.633.439.656	1.236.637.074
	55.102.837.026	46.490.466.442
Trong đó: Các khoản giảm trừ doanh thu từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)		
Tổng giá trị các khoản trừ doanh thu:	10.124.903.481	6.600.541.700

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	685.089.804.120	704.357.026.856
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	390.559.614
Giá vốn bán nguyên vật liệu	43.478.376.765	-
	<u>728.568.180.885</u>	<u>704.747.586.470</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>		
Tổng giá trị mua vào:	<u>20.112.603</u>	<u>(866.309.092)</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	14.099.883.707	14.868.364.208
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	374.254.067	4.317.019.090
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.080.670.424
	<u>14.474.137.774</u>	<u>20.266.053.722</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.446.770.767	14.848.776.129
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	4.480.718
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.084.823.849	3.041.763.983
	<u>13.531.594.616</u>	<u>17.895.020.830</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.463.259.417	3.560.361.212
Chi phí nhân công	52.028.978.602	37.384.864.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.061.000.290	11.783.472.620
Chi phí khấu bằng tiền	32.617.349.620	28.786.752.405
	<u>95.170.587.929</u>	<u>81.515.451.162</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.621.355.663	1.927.515.634
Chi phí nhân công	45.423.376.611	43.215.936.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.997.759.954	7.106.141.442
Thuế, phí, lệ phí	14.252.550.743	2.259.485.067
Hoàn nhập dự phòng	-	(65.925.261)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.228.939.140	4.983.059.877
Chi phí khác bằng tiền	5.615.035.885	6.931.795.577
	<u>79.139.017.996</u>	<u>66.358.009.228</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ bán nguyên vật liệu	-	72.683.247.563
Tiền bồi thường thu được	-	2.227.635.000
Thu nhập khác	3.044.126.498	1.792.956.384
	<u>3.044.126.498</u>	<u>76.703.838.947</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí bán nguyên vật liệu	-	69.858.902.354
Chi phí hủy thành phẩm lỗi	-	459.454.466
Thanh lý thành phẩm, nguyên vật liệu đã hết hạn	3.185.517.436	226.097.224
Chi phí khác	15.065.128	43.385.810
	<u>3.200.582.564</u>	<u>70.587.839.854</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.544.991.056	90.352.807.695
Các khoản điều chỉnh tăng	15.143.641.879	2.295.141.298
- Chi phí phạt thuế	11.969.358.136	2.295.141.298
- Chi phí không hợp lệ khác	3.174.283.743	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	98.688.632.935	92.647.948.993
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>19.737.726.587</u>	<u>18.529.589.799</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.131.943.050	(351.684.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(15.330.067.332)	(15.045.962.117)
	<u>7.539.602.305</u>	<u>3.131.943.050</u>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	63.807.264.469	71.823.217.896
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	63.807.264.469	71.823.217.896
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	22.083.392	22.083.392
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.889</u>	<u>3.252</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	611.859.125.850	622.436.545.561
Chi phí nhân công	136.069.392.694	117.507.548.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.989.314.738	30.368.539.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.137.726.751	32.010.354.362
Hoàn nhập dự phòng	-	(65.925.261)
Chi phí khác bằng tiền	62.213.234.357	38.114.722.452
	866.268.794.390	840.371.785.945

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.449.694.387	-	-	179.449.694.387
Phải thu khách hàng, phải thu khác	199.309.746.882	35.000.000	-	199.344.746.882
Các khoản cho vay	252.490.442.486	-	-	252.490.442.486
	631.249.883.755	35.000.000	-	631.284.883.755

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	122.593.040.967	-	-	122.593.040.967
Phải thu khách hàng, phải thu khác	247.381.362.511	35.000.000	-	247.416.362.511
Các khoản cho vay	192.789.930.016	382.433.359	-	193.172.363.375
	562.764.333.494	417.433.359	-	563.181.766.853

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay	198.387.324.342	-	-	198.387.324.342
Phải trả người bán, phải trả khác	119.157.384.536	-	-	119.157.384.536
	317.544.708.878	-	-	317.544.708.878
	Từ 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025				
Vay	258.437.901.613	-	-	258.437.901.613
Phải trả người bán, phải trả khác	68.106.300.851	-	-	68.106.300.851
Chi phí phải trả	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
	341.544.202.464	-	-	341.544.202.464

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHASố 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01-NQ/ĐHĐCĐ-VDP ngày 08/01/2026 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 52/NQ-HĐQT ngày 03/02/2026, Công ty thực hiện việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha;
- Mã cổ phiếu: VDP;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 9.937.526 cổ phiếu;
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 99.375.260.000 đồng;
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:45 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được quyền mua 45 cổ phiếu mới);
- Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến được sử dụng để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc tiêm bột Cephalosporin đạt tiêu chuẩn EU-GMP.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	Cổ đông lớn Ông Phạm Tuấn Kiệt - Thành viên HĐQT Công ty là Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	Ông Trần Văn Đạt - Thành viên HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dược phẩm Trâm Bảo Khoa	
Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	Ông Hoàng Văn Hòa - Tổng giám đốc Công ty là chồng Bà Nguyễn Thị Thảo - Thành viên HĐQT Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty		
Giao dịch phát sinh trong năm:		
	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Bán hàng	108.262.358.332	200.288.658.200
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	74.047.876.000	132.826.786.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	27.819.071.300	67.461.872.200
Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	6.395.411.032	-
Mua hàng	20.112.603	(866.309.092)
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	-	(906.809.524)
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	20.112.603	40.500.432
Giảm trừ doanh thu	10.124.903.481	6.600.541.700
Công ty TNHH Nutri - Pharma USA	6.459.259.500	5.756.640.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Trâm Bảo Khoa	1.267.057.381	843.901.700
Công ty CP Dược mỹ phẩm Phúc Lai Thành	2.398.586.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA

Số 184/2 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	4.473.635.584	4.215.645.548
Ông Kiều Hữu Chủ tịch HĐQT	1.291.544.369	1.013.763.481
Ông Hoàng Thế Bắc Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	943.868.515	632.904.728
Ông Hoàng Văn Hoà Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.458.222.700	1.464.327.360
Bà Đinh Thị Hoàng Oanh Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/8/2024)	-	264.649.980
Ông Phạm Tuấn Kiệt Thành viên HĐQT	195.000.000	210.000.000
Ông Trần Văn Đạt Thành viên HĐQT	195.000.000	210.000.000
Ông Nguyễn Trần Hiếu Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	195.000.000	210.000.000
Bà Kiều Thị Minh Hồng Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2025; Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	120.000.000	-
Bà Nguyễn Ngọc Trang Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2025)	75.000.000	210.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	234.000.000	252.000.000
Bà Doãn Thị Ngọc Bội Trưởng Ban kiểm soát	104.000.000	112.000.000
Bà Nguyễn Thị Thuý Thành viên Ban kiểm soát	65.000.000	70.000.000
Ông Nguyễn Quang Toàn Thành viên Ban kiểm soát	65.000.000	70.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.







Đoàn Thanh Hoa

Nguyễn Minh Tuấn

Hoàng Văn Hoà

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026